TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy Hiếu
2. Ông Bùi Quang Uyên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 29/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST- HNGĐ ngày 14/4/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn C - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017, bản tự khai ngày 14/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Mai Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/4/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh C thường xuyên rượu chè, chửi bới xúc phạm chị, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe mà còn đánh đập bạo lực với chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã không hòa thuận. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình tham gia khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn do anh C không thay đổi được tính nết. Tháng 5/2012 anh C đã về nhà mẹ đẻ ở Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn C.

Về con chung: Chị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Mai Quỳnh L sinh ngày 30/01/2011, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường và hiện cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh không trả lời cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì anh C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh C vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đây đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng kí kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình và về thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì

Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Đối với anh Mai Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Mai Văn C. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 và nguyên nhân chính do anh C thường xuyên rượu chè, chửi bới xúc phạm chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tham gia khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2012 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Việc mâu thuẫn của anh

chị đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thật. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị đã không còn chung sống cùng nhau đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Mai Quỳnh L sinh ngày 30/01/2011, hiện nay cháu đang ở với chị T. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Quỳnh L và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy từ khi vợ chồng chị T sống ly thân cháu Mai Quỳnh L ở với chị T, chị T đã cung cấp được chứng cứ chứng minh chị có công việc ổn định tại Công ty TNHH Partron Vina với mức lương cơ bản là 3.560.000đ/tháng, do đó xác định chị có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Mai Quỳnh L, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Mai Quỳnh L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4].Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Văn C.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Mai Quỳnh L, sinh ngày 30/01/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Mai Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Mai Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên lai số 0009108 ngày 14/4/2017. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Q;
- Đương sự (2)
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng